

Bản án số: 100/2025/HS-ST
Ngày 24 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào, bà Nguyễn Thị Kim Thanh, ông Trần Mạnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 111/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày 08/6/1972 tại huyện V, tỉnh N; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1949, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; vợ là Lò Thị Th, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đèo Văn H - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Cao Cc, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cz, huyện Cq, tỉnh w. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đức Tt, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1971. địa chỉ: Tổ 4, phường Tc, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lê Minh Tv, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Hn, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Hh, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đoàn Cao Mm, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La; hiện trú tại: Số 172, đường R, phường Dd, thành phố P, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm Bá Td, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 1, xã Mb, huyện Qq, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Ngô Đức Dg, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 7, xã Mk, huyện U, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thúy Hs, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 3 phường Mf, thành phố Oo, tỉnh BB. Có mặt.

+ Ông Bùi Minh Đd, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố NN, phường Tr, TX Mj, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân Đ có sở thích trồng hoa phong lan và quen biết Nguyễn Minh V, sinh năm 1971, trú tại tổ 04, phường Tc, thành phố S là người có nhiều giống hoa lan đột biến, giá trị cao trên thị trường. Khoảng cuối năm 2020, biết Nguyễn Minh V rao bán 01 ki hoa lan đột biến Đại Cát với giá 15.000.000.000 đồng ("*ki*"- *mầm lan, là những cây con mọc từ thân mẹ của hoa lan*), Đ đặt vấn đề hỏi mua. Quá trình trao đổi, hai bên thống nhất thực hiện giao dịch khi Đ giao đủ tiền thì V sẽ bán ki hoa lan đột biến cho Đ (V không nhận tiền đặt cọc hay thanh toán từng phần). Mặc dù biết rõ điều kiện mua bán và không có khả năng tài chính để thực hiện việc mua ki hoa lan đột biến trên, Nguyễn Xuân Đ vẫn đưa ra thông tin gian dối về việc mình đang đặt cọc mua ki hoa lan đột biến Đại Cát của Nguyễn Minh V và kêu gọi các cá nhân góp vốn theo hình thức cổ phần,

mỗi cổ phần trị giá từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng. Đ hứa hẹn, khi bán được cây lan sẽ chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp. Với thủ đoạn trên, từ ngày 22/12/2020 đến ngày 14/6/2021, Nguyễn Xuân Đ đã huy động được 2.500.000.000 đồng từ các bị hại gồm: Nguyễn Cao Cc, Nguyễn Đức Tt, Nguyễn Thị Q. Sau khi nhận tiền, Điện không thực hiện mua ki hoa lan đột biến Đại Cát như cam kết mà sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích cá nhân. Cụ thể:

(1) Chiếm đoạt của Nguyễn Cao Cc, sinh năm 1982; trú tại khu 2, thị trấn Cz, huyện Cq, tỉnh w số tiền 1.250.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2020, Nguyễn Cao Cc chuyển khoản cho Nguyễn Xuân Đ 100.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Đ chuyển 90.000.000 đồng cho Đoàn Cao Mm, sinh năm 1982; trú tại bản Hg, xã Nf, huyện Y để mua ki hoa lan đột biến Á Hậu; chuyển 46.000.000 đồng cho Nguyễn Xuân L, sinh năm 1978; trú tại tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện Y vay (trong đó có 10.000.000 đồng là nguồn tiền do Cc chuyển đến). Khoảng nửa tháng sau, L đã trả lại số tiền trên, Đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 15/5/2021, Cc chuyển vào tài khoản cho Đ 900.000.000 đồng; ngày 18/5/2021, Đ chuyển toàn bộ số tiền trên cho Nguyễn Minh V để trả nợ tiền Đ mua chịu ki hoa lan đột biến Hồng Hạ Vân trong giao dịch mua bán giữa Đ và V thời gian trước.

Ngày 14/6/2021, Cc chuyển tiếp 600.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Xuân Đ (trong đó có 500.000.000 đồng là tiền Cc góp mua ki hoa lan đột biến Đại Cát và 100.000.000 đồng là tiền Cc cho Đ vay để mua xe ô tô). Cùng ngày, Điện chuyển 650.000.000 đồng đến tài khoản của Phạm Bá Td, sinh năm 1970; trú tại xóm 1, xã Mb, huyện Qq (là số tiền trước đó Td đưa tiền mặt cho Đ nhờ chuyển vào tài khoản). Đối với số tiền mặt đã nhận từ Td, Đ đã chi tiêu cá nhân hết 100.000.000 đồng; số tiền Đ vay Cc mua xe ô tô Đ đã trả đủ.

(2) Chiếm đoạt của Nguyễn Đức Tt, sinh năm 1986; trú tại Tiểu khu 10, thị trấn Hf, huyện U, tỉnh Sơn La số tiền 390.000.000 đồng.

Tháng 02/2021, Nguyễn Đức Tt đưa cho Nguyễn Xuân Đ 50.000.000 đồng tiền mặt là tiền đặt cọc mua ki hoa lan đột biến Đại Cát. Số tiền này Đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/5/2021, Nguyễn Đức Tt tiếp tục chuyển khoản cho Nguyễn Xuân Đ 450.000.000 đồng; ngày 12/5/2021, Đ chuyển 699.999.999 đồng đến tài khoản của Nguyễn Minh V để trả nợ tiền mua ki hoa lan đột biến Hồng Hà Vân trong giao dịch mua bán giữa Đ và V thời gian trước (Trong đó có số tiền 450.000.000 đồng là tiền của Tt chuyển cho Đ).

(3) Chiếm đoạt của Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988; trú tại tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền 390.000.000 đồng..

Tháng 03/2021, Nguyễn Thị Q chuyển cho Đ 20.000.000 đồng tiền mặt là tiền đặt cọc mua ki hoa lan đột biến Đại Cát. Số tiền này Đ sử dụng chi tiêu cá

nhân hết.

Ngày 11/5/2021, Q chuyển khoản cho Đ 200.000.000 đồng; ngày 12/5/2021, Đ chuyển 699.999.999 đồng đến tài khoản của Nguyễn Minh V để trả nợ tiền Đ mua ki hoa lan đột biến Hồng Hà Vân thời gian trước (*Trong đó có 200.000.000 đồng là tiền của Q chuyển cho Đ*).

Ngày 03/6/2021, Q chuyển tiếp 280.000.000 đồng vào tài khoản cho Đ. Số tiền này, trong thời gian từ ngày 05/6/2021 đến 10/6/2021, Đ đã sử dụng như sau: Rút tiền mặt 5.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Sử dụng 78.500.000 đồng vào việc chi trả mua cây hoa lan (giao dịch với Nguyễn Thúy Hs, sinh năm 1983, trú tại tổ 03, phường Mf, thành phố Oo, tỉnh BB) và mua đồ gỗ phục vụ nhu cầu cá nhân. Chuyển khoản cho Bùi Minh Đd, sinh năm 1978; trú tại Tổ dân phố NN, phường Tr, thị xã Mj 1.000.000 đồng; Ngô Đức Dg, sinh năm 1977; trú tại tổ 6, phường Ss, thành phố S 50.000.000 đồng; Lê Thị Kiều Cg, sinh năm 1984; trú tại thôn Tj, xã Yy, huyện Px, thành phố Z 300.000.000 đồng để trả các khoản nợ cá nhân trước đó (*Trong tổng số tiền 434.500.0000 đồng Đ đã chi tiêu trên, có 280.000.000 đồng là tiền từ tài khoản do Nguyễn Thị Q chuyển đến*).

Tháng 11/2021, Nguyễn Minh V đã bán ki hoa lan đột biến Đại Cát cho một người tên KJ, sinh sống tại thành phố GG. Tháng 02/2022, Nguyễn Cao Cc phát hiện ki hoa lan mà mình đã góp vốn, đặt cọc trước đó đã bị V bán cho người khác. Ngày 28/6/2023, Nguyễn Cao Cc, Nguyễn Đức Tt, Nguyễn Thị Q cùng gửi đơn tố giác Nguyễn Xuân Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La.

* Trách nhiệm dân sự: Sau khi Nguyễn Cao Cc, Nguyễn Đức Tt và Nguyễn Thị Q phát hiện ki hoa lan đột biến Đại Cát góp tiền đặt cọc cùng Nguyễn Xuân Đ để mua của Nguyễn Minh V bị hủy giao dịch và V đã bán cho người khác. Nguyễn Cao Cc, Nguyễn Đức Tt, Nguyễn Thị Q đã nhiều lần đòi Nguyễn Xuân Đ trả lại số tiền đã góp.

Ngày 18/10/2022, Đ trả cho Nguyễn Đức Tt 20.000.000 đồng. Ngày 01/11/2022, Đ chuyển khoản trả cho Nguyễn Cao Cc 250.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho Nguyễn Đức Tt 90.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho Nguyễn Thị Q 110.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Xuân Đ đã trả cho các bị hại là 470.000.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số: 68/CT-VKS-P3 ngày 02/06/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Xuân Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều

51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 13 đến 14 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim điện thoại, thu giữ của Nguyễn Xuân Điện.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Cao Cc số tiền 1.250.000.000 đồng; Nguyễn Đức Tt số tiền 390.000.000 đồng; Nguyễn Thị Q số tiền 390.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.030.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ: Nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng (ông nội bị cáo là Liệt sĩ) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đề nghị xét xử bị cáo theo quy định; không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo, được thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2021, Nguyễn Xuân Đ đã đưa ra thông tin gian dối bản thân có xác lập giao dịch mua bán 01 ki hoa lan đột biến Đại Cát với Nguyễn Minh V trị giá 15.000.000.000 đồng. Mặc dù bản thân không có khả năng tài chính và biết rõ việc mua bán ki hoa lan đột biến Đại Cát phải thanh toán đủ tiền một lần nhưng vẫn kêu gọi các cá nhân góp vốn theo hình thức cổ phần, hứa hẹn chia lợi nhuận sau khi bị cáo bán được ki hoa lan đột biến Đại Cát. Với thông tin gian dối và thủ đoạn như trên, bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của các bị hại, bị cáo không thực hiện mua ki hoa lan đột biến Đại Cát như đã cam kết mà sử dụng toàn bộ tiền vào mục đích cá nhân. Năm 2022, các bị hại biết mình bị lừa nên đòi bị cáo trả lại số tiền đã góp, bị cáo đã chuyển trả cho các bị hại số tiền 470.000.000 đồng, còn lại 2.030.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt đến nay chưa trả. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng trị giá 2.030.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo là nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có căn cứ xác định gia đình bị cáo có công với cách mạng (ông nội của bị cáo là Liệt sĩ).

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người có trình độ học vấn, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi mà bị cáo thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát

thực hành quyền công tố tại phiên toà đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với bị cáo, cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo là nhân dân lao động, không có nghề nghiệp ổn định. Mặt khác bị cáo còn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trước khi bị khởi tố, bị cáo đã trả cho các bị hại tổng số tiền 470.000.000 đồng, cụ thể: Trả cho bị hại Nguyễn Cao Cc 250.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Đức Tt 110.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Q 110.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.030.000.000 đồng, buộc bị cáo phải trả lại cho các bị hại, cụ thể: Trả cho Nguyễn Cao Cc số tiền 1.250.000.000 đồng; Nguyễn Đức Tt số tiền 390.000.000 đồng; Nguyễn Thị Q số tiền 390.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max có lắp 01 sim điện thoại Viettel. Xác định bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về các vấn đề liên quan:

- Đối với số tài khoản mang tên Lê Thị Kiều Cg mà bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng. Qua lời khai và biên bản làm việc với ông Trần Duy Tw xác định: Ông Tw có nhờ bị cáo Nguyễn Xuân Đ chuyển tiền trả nợ giúp số tiền 300.000.000 đồng cho ông Vũ Văn Vv, sinh năm 1982, nhà ở huyện Px, thành phố Z. Do bị cáo và ông Tw có họ hàng với nhau nên bị cáo Đ đã giúp ông Tw chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thị Kiều Cg (là vợ của ông Vũ Văn Vv) để trả nợ cho ông Vũ Văn Vv. Hiện tại ông Tw chỉ biết vợ chồng ông Vv đã chuyển đến sinh sống tại tỉnh Rr nhưng không biết rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy không thể triệu tập chủ sở tài khoản tên Lê Thị Kiều Cg.

- Đối với số tiền mà bị cáo Nguyễn Xuân Đ chuyển khoản cho ông Nguyễn Minh V: Ngày 23/9/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản làm việc. Quá trình làm việc, ông Nguyễn Minh V trình bày việc thỏa thuận mua bán ki hoa lan đột biến “Đại Cát” giữa ông V và bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã được hủy giao dịch vào ngày 30/5/2021, bản thân ông V không nhận khoản tiền nào liên quan đến ki hoa lan đột biến “Đại Cát”, ông V chỉ nhận tiền khi giao “ki” chứ không nhận tiền đặt cọc trước; đối với nội dung bị cáo Nguyễn Xuân Đ chuyển tiền vào tài khoản của ông V là tiền thanh toán cho khoản tiền bị cáo Đ vay ông V để mua thửa đất tại Tổ 4, phường Tc, thành phố S, tỉnh Sơn La và

tiền bị cáo Đ mua ki lan đột biến “Hồng Hạ Vân” mà bị cáo Đ nợ ông V; thời điểm 03/4/2021 số tiền bị cáo Đ đang nợ ông Vượng là 2.350.000.000 đồng. Đối với các tài liệu do ông Nguyễn Minh V cung cấp bị cáo Nguyễn Xuân Đ khai nhận là đúng với thực tế sự việc.

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn Hn và ông Nguyễn Văn Hh góp mua ki hoa lan đột biến “Đại Cát”; Nguyễn Văn Hn, Nguyễn Văn Hh và Nguyễn Xuân Đ đều có lời khai xác định rằng số tiền này do việc mua bán ki hoa lan đột biến “Đại Cát” không thành nên Nguyễn Xuân Đ đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Hn và ông Nguyễn Văn Hh số tiền 110.000.000 đồng, còn lại số tiền 390.000.000 đồng Nguyễn Xuân Đ vay trả dần (các bên thỏa thuận miệng, không lập văn bản). Ngày 24/4/2025, ông Nguyễn Văn Hn và ông Nguyễn Văn Hh có đơn đề nghị không giải quyết số tiền 390.000.000 đồng mà Nguyễn Xuân Đ vay. Xác định đây là thỏa thuận dân sự tự nguyện giữa các bên nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 13 (*Mười ba*) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 17/9/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản Điều 579; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại gồm: Nguyễn Cao Cc số tiền 1.250.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm lăm mươi triệu đồng*); Nguyễn Đức Tt số tiền 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi nghìn đồng*); Nguyễn Thị Q số tiền 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự”.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, bên trong có lắp 01 sim điện thoại Viettel có số thuê bao là 0982.270.019.

(Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật

chứng, tài sản lập ngày 27/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 72.600.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/06/2025); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh